

Số: / BC-BVHH

Hoàng Hóa, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Về công tác xây dựng và thực hiện cơ sở y tế

Xanh – Sạch - Đẹp

(Kỳ báo cáo: từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/12/2025)

I. THÔNG TIN HÀNH CHÍNH

- a. Tên cơ sở y tế: BVĐK huyện Hoàng Hóa
- b. Địa chỉ: Phố Vinh Sơn – Xã Hoàng Hóa – Tỉnh Thanh Hóa
- c. Họ và tên người đứng đầu cơ sở y tế: Nguyễn Xuân Lập
- d. Điện thoại liên hệ: 02373.643.304
- e. Người chịu trách nhiệm báo cáo:
 - Họ và tên: Lê Thị Lài
 - Chức vụ: Phụ trách khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
 - Điện thoại: 0983.011.369
 - Địa chỉ Email: laiqlclbvhh@gmail.com
 -

II. TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. TỔNG SỐ ĐIỂM ĐẠT:	80.0/ 100 ĐIỂM
2. ĐẠT LOẠI: TỐT	Xuất sắc
	Tốt
	Khá
	TB
	Kém

STT	THÀNH PHẦN VÀ SỐ LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí
A	XANH (2)	10	7
A1.	CSYT thực hiện trồng cây xanh (1)	5	4.0
A2.	CSYT sử dụng năng lượng xanh (1)	5	3.0
B	SẠCH (24)	80	64
B1.	Nước sạch (2)	10	8
B2.	Nhà vệ sinh (8)	20	14.5
B3.	Quản lý chất thải (11)	40	33.5
B4.	Vệ sinh môi trường (3)	10	8
C	ĐẸP (6)	10	9
C1.	Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, đẹp, dễ quan sát (1)	1	1
C2.	Khuôn viên CSYT trang trí đẹp(1)	2	1.5
C3.	Khu sảnh chờ, phòng chờ trang trí đẹp (1)	2	2.0
C4.	Khoa/phòng/buồng bệnh trang trí đẹp (1)	2	1.5
C5.	Khu vực gửi xe bố trí gọn gàng, đẹp (1)	2	2.0
C6.	Trang phục đẹp (1)	1	1.0

STT	THÀNH PHẦN, TÊN TIÊU CHÍ, NHÓM TIÊU CHÍ		Điểm tối đa	Điểm chấm
	PHẦN A. XANH (2)		10	7
1	A1	Cây xanh	5	4.0
2	A2	Năng lượng xanh	5	3.0

	PHẦN B. SẠCH (24)		80	64
	B1. NƯỚC SẠCH (2)		10	8
3	B1.1	Có đủ nước sinh hoạt, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5	4.0
4	B1.2	Có đủ nước uống trực tiếp, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5	4.0
	B2. NHÀ VỆ SINH (8)		20	14.5
5	B2.1	Số lượng NVS tại khoa khám bệnh	2	1.0
6	B2.2	Số lượng NVS tại khoa/phòng điều trị, xét nghiệm	2	1.0
7	B2.3	Điều kiện chung NVS	4	3.0
8	B2.4	Sàn nhà vệ sinh	2	1.5
9	B2.5	Tường, trần nhà vệ sinh	2	1.5
10	B2.6	Thiết bị vệ sinh: chậu rửa, xí tiêu, vòi nước	2	1.5
11	B2.7	Các vật dụng trong nhà vệ sinh	4	3.5
12	B2.8	Thực hiện vệ sinh và kiểm tra, giám sát NVS	2	1.5
	B3. QUẢN LÝ CHẤT THẢI (10)		40	33.5
13	B3.1	CSYT thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định	5	4.5
14	B3.2	CSYT thực hiện thu gom chất thải y tế đúng quy định	2	1.5
15	B3.3	CSYT có khu lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên theo quy định	2	2.0
16	B3.4	CSYT thực hiện chuyển giao chất thải y tế đúng quy định	4	3.0
17	B3.5	CSYT thực hiện xử lý chất thải rắn y tế đúng quy định	4	4.0
18	B3.6	CSYT quản lý chất thải tái chế đúng quy định	2	1.0
19	B3.7	CSYT quản lý nước thải y tế đúng quy định	7	6.0

20	B3.8	CSYT thực hiện Kế hoạch Phòng ngừa, UPSCMT do chất thải y tế	3	2.0
21	B3.9	CSYT thực hiện quan trắc môi trường y tế đúng quy định	5	4.5
22	B3.10	Người thu gom, xử lý chất thải y tế được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động	1	1.0
23	B3.11	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải y tế	5	4.0
B4. VỆ SINH MÔI TRƯỜNG (3)			10	8.0
24	B4.1	Sân, vườn, khuôn viên	3	2.5
25	B4.2	Hành lang, lối đi, sảnh chờ	2	1.5
26	B4.3	Trong các khoa/ phòng/buồng bệnh	5	4.0
PHẦN C. ĐẸP (6)			10	9
27	C1	Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, dễ quan sát	1	1.0
28	C2	Cảnh quan CSYT hài hòa, thân thiện môi trường	2	1.5
29	C3	Khu sảnh chờ, phòng chờ	2	2.0
30	C4	Khoa/phòng/buồng bệnh gọn gàng	2	1.5
31	C5	Khu vực gửi xe	2	2.0
32	C6	Trang phục NVYT, NB, NNNB	1	1.0

III. ĐÁNH GIÁ ƯU, NHƯỢC ĐIỂM

- Ưu điểm:

+ Cây xanh được trồng và bố trí tại nhiều vị trí trong Bệnh viện, bao gồm khu vực trong nhà tại các Khoa/Phòng và nhiều cây xanh khuôn viên ngoài trời tạo bóng mát và cảnh quan đẹp.

+ Công đoàn Bệnh viện hàng năm phát động phong trào xây dựng bệnh viện Xanh - Sạch - Đẹp và thực hiện tốt 5S đã khuyến khích động viên và tạo ý thức cho nhân viên trong việc chăm sóc cây xanh cũng như vệ sinh môi trường xung quanh bệnh viện sạch - đẹp.

+ Biển bảng chỉ dẫn lối đi vào các tòa nhà, khu vực buồng bệnh, nhà vệ sinh rõ ràng, dễ quan sát.

- Nhược điểm:

+ Có một số khu vực công tác triển khai thực hiện xanh – sạch – đẹp chưa

được thường xuyên.

- + Chưa bố trí riêng biệt được nhà vệ sinh cho người khuyết tật và trẻ em.
- + Tại một số khoa chưa bố trí được mỗi phòng bệnh có buồng vệ sinh riêng gồm 01 chậu rửa, 01 xí tiêu, 01 chỗ tắm giặt chưa đầy đủ
- + Một số thiết bị vệ sinh đã cũ.
- + Một số vị trí ở các khoa hệ thống tường, trần còn ẩm mốc

IV. ĐÁNH GIÁ NGUYÊN NHÂN, TỒN TẠI

Cơ sở vật chất xuống cấp nhiều và bệnh viện đang trong quá trình khởi công xây dựng khu nhà 9 tầng nên việc thực hiện kế hoạch cơ sở y tế xanh – sạch – đẹp còn nhiều khó khăn, không đồng bộ.

V. GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH, THỜI GIAN KHẮC PHỤC

- Tiếp tục triển khai xây dựng mô hình bệnh viện xanh – sạch – đẹp, giảm thải chất thải nhựa, thân thiện với môi trường.
- Kiểm tra, đánh giá hoạt động xanh - sạch - đẹp định kỳ hàng quý, hàng năm.
- Thực hiện tốt 5S tại các khoa phòng và trong toàn bệnh viện.
- Lên kế hoạch đầu tư và sửa chữa cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hư hỏng.
- Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường bệnh viện.
- Đề xuất khen thưởng cho các cá nhân, tập thể thực hiện tốt công tác vào vệ môi trường bệnh viện.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Ban GD;
- Các khoa, phòng;
- Lưu VT, KSNK.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Lập

**BẢNG ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ CƠ SỞ Y TẾ
XANH - SẠCH - ĐẸP**

TT	Tiêu chí/ Nhóm Tiêu chí	Nội dung Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm chấm
		PHẦN A. XANH	10	7
1	A1	Cây xanh	5	4
		Tỷ lệ diện tích cây xanh, công viên hoặc vườn hoa, hoặc bãi cỏ/tổng diện tích khuôn viên CSYT		
2	A2	Năng lượng xanh	5	3
		+ Quy định tiết kiệm điện		
		+ Sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện		
		+ Sử dụng thiết bị điều hòa tiết kiệm điện		
		+ Sử dụng thiết bị điện có cảm ứng		
		+ Sử dụng năng lượng tự nhiên		
		PHẦN B. NỘI DUNG SẠCH	80	64
	B1	Nước sạch	10	8
3	B1.1	Có đủ nước sinh hoạt, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5	4
4	B1.2	Có đủ nước uống trực tiếp, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5	4
	B2	Nhà vệ sinh	20	14.5
5	B2.1	Số lượng nhà vệ sinh tại Khoa khám bệnh		
		+ Khu vệ sinh riêng cho NB và nhân viên y tế		
		+ Tối thiểu 1 nhà vệ sinh (nam/nữ riêng biệt) gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiểu/100 lượt khám	2	1.0

6	B2.2	Số lượng nhà vệ sinh tại mỗi Khoa/phòng điều trị, xét nghiệm	2	1.0
		+ Nhà vệ sinh riêng cho NB và nhân viên y tế		
		+ Mỗi phòng bệnh có một buồng vệ sinh gồm: 01 chậu rửa, 01 xí tiểu và 01 chỗ tắm giặt		
		+ Có nhà vệ sinh đảm bảo người khuyết tật có thể tiếp cận và sử dụng được		
7	B2.3	Điều kiện chung về nhà vệ sinh	4	3
		+ Có biển chỉ dẫn đến nhà vệ sinh		
		+ Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng		
		+ Không mùi hôi		
		+ Có sẵn nước rửa tay, nước dội		
		+ Có bảng hướng dẫn rửa tay		
8	B2.4	Sàn nhà vệ sinh	2	1.5
		+ Khô, không đọng nước.		
		+ Không trơn trượt.		
		+ Sạch, không có vết bẩn.		
		+ Không có rác rơi vãi		
		+ Không bong tróc, nứt vỡ		
9	B2.5	Tường, trần nhà vệ sinh	2	1.5
		+ Không có mạng nhện		
		+ Không có rêu mốc		
		+ Không bong tróc		
		+ Không thấm, dột		
		+ Được quét sơn/vôi đảm bảo vệ sinh, mỹ quan		
10	B2.6	Thiết bị vệ sinh: chậu rửa, xí tiểu, vòi nước	2	
		+ Không nứt, vỡ		

		+ Không hỏng, tắc		1.5
		+ Xí tiêu không dính đọng phân, nước tiểu		
11	B2.7	Các vật dụng trong NVS	4	3.5
		+ Có sẵn giấy vệ sinh		
		+ Thùng đựng chất thải		
		+ Có xà phòng hoặc dung dịch rửa tay		
		+ Có gương soi, có móc treo đồ		
12	B2.8	Thực hiện vệ sinh và kiểm tra giám sát nhà vệ sinh	2	1.5
		+ Có bảng kiểm vệ sinh, có xác nhận của người giám sát		
		+ Tần suất dọn vệ sinh tối thiểu ngày 2 lần và khi cần		
	B3	Quản lý chất thải y tế	40	33.5
13	B3.1	CSYT thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định: + Các khoa/phòng, bộ phận nơi phát sinh chất thải được cung cấp đủ bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế theo đúng quy định + Các khoa/phòng, bộ phận thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định	5	4.5
14	B3.2	CSYT thực hiện thu gom chất thải y tế đúng quy định về:	2	1.5
		+ Tần suất thu gom		
		+ Dụng cụ thu gom		
		+ Quy định tuyến đường, thời điểm thu gom		
15	B3.3	CSYT có khu lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên theo quy định :	2	2
		+ Khu lưu giữ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật		

		+ Thời gian lưu giữ đúng quy định		
16	B3.4	CSYT thực hiện chuyển giao chất thải y tế đúng quy định	4	3
		<i>Chuyển giao để xử lý tập trung</i>		
		+ Chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp		
		+ Có Hợp đồng vận chuyển còn thời hạn		
		+ Có Sổ giao nhận chất thải y tế theo quy định		
		+ Có Chứng từ CTNH (đối với CTNH)		
		<i>Chuyển giao để xử lý theo mô hình cụm</i>		
		+ Chuyển giao cho đơn vị xử lý cho cụm CSYT (trong Kế hoạch được UBND cấp tỉnh phê duyệt)		
		+ Có Sổ giao nhận chất thải y tế		
		+ Thiết bị lưu chứa trên phương tiện vận chuyển đảm bảo yêu cầu;		
17	B3.5	CSYT thực hiện xử lý chất thải rắn y tế đúng quy định:	4	4
		+ Thực hiện xử lý chất thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường		
		+ Thực hiện giám sát, vận hành hệ thống/thiết bị xử lý chất thải y tế theo đúng quy định/hướng dẫn		
		+ Có sổ vận hành thiết bị xử lý được lập theo mẫu và ghi đầy đủ thông tin		
		+ Sử dụng công nghệ không đốt, thân thiện với môi trường (khuyến khích)		
18	B3.6	CSYT quản lý chất thải tái chế đúng quy định	2	
		+ Có ban hành danh mục chất thải y tế thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế		
		+ Có thực hiện phân loại CTYT để phục vụ tái chế		

		+ Ký hợp đồng chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng phù hợp		1
		+ Có sổ bàn giao chất thải sau khi đã xử lý khử khuẩn đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường để phục vụ tái chế (đối với CSYT sử dụng thiết bị khử khuẩn chất thải lây nhiễm)		
19	B3.7	CSYT quản lý nước thải y tế đúng quy định + Có hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ nước thải y tế + Vận hành bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải y tế theo quy định + Có sổ nhật ký vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải và được ghi chép đầy đủ + Khu vực xử lý nước thải được vệ sinh sạch, không đọng nước, không có mùi hôi + Đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	7	6
20	B3.8	CSYT thực hiện Kế hoạch Phòng ngừa, UPSCMT do chất thải y tế + Có Kế hoạch, phương án, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do CTYT + Có tập huấn, truyền thông + Có thực hành diễn tập	3	2
21	B3.9	CSYT thực hiện quan trắc môi trường y tế đúng quy định Có thực hiện quan trắc, giám sát đủ tần suất, đủ thông số theo quy định	5	4.5
22	B3.10	Người thu gom, xử lý chất thải y tế được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động + Trang bị đủ bảo hộ lao động	1	

		+ Tuân thủ mặc bảo hộ lao động khi thực hiện công việc		1
23	B3.11	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải y tế	5	4
		+ Mua sắm, lắp đặt, sử dụng vật tư, thiết bị, dụng cụ, thuốc, hóa chất và các nguyên, vật liệu phù hợp với nhu cầu sử dụng.		
		+ Đổi mới thiết bị, quy trình trong hoạt động chuyên môn y tế và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải y tế		
		+ Có biện pháp, lộ trình và thực hiện hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông khó phân huỷ nhằm giảm thiểu phát sinh chất thải nhựa.		
		+ Phân loại chất thải nhựa để tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật		
	B4	Vệ sinh môi trường	10	8.0
24	B4.1	Sân, vườn, khuôn viên	3	2.5
		+ Sạch sẽ, không có nước đọng		
		+ Có đủ thùng đựng chất thải		
		+ Không có chất thải rơi vãi		
		+ Tường hàng rào, các tòa nhà không có rêu mốc, bong tróc		
25	B4.2	Hành lang, lối đi, sảnh chờ	2	1.5
		+ Sạch sẽ, không có nước đọng, không trơn trượt		
		+ Không có chất thải rơi vãi		
		+ Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng		
		+ Trần hành lang, lối đi, sảnh chờ không có rêu mốc, bong tróc		
26	B4.3	Trong các khoa/ phòng/buồng bệnh	5	

		+ Tường, trần nhà sạch không có mạng nhện, không có rêu mốc; bong tróc + Sàn sạch, không đọng nước, không trơn trượt + Không có chất thải rơi vãi + Đảm bảo thông gió và đủ ánh sáng		4
	C	PHẦN C. ĐẸP	10	9.0
27	C1	Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, dễ quan sát + Có biển tên: CSYT, các khoa/phòng bộ phận/nhà vệ sinh + Có sơ đồ, biển chỉ dẫn đến nhà vệ sinh; biển chỉ dẫn lối đi trong CSYT + Có Bảng rôn, bảng chữ điện tử, khẩu hiệu CSYT “Xanh, Sạch, Đẹp”	1	1
28	C2	Cảnh quan CSYT hài hòa, thân thiện môi trường + Có đài phun nước hoặc tiểu cảnh hòn non bộ, bể cá; hoặc hồ nước trong khuôn viên CSYT. + Hoa, cây cảnh, cây xanh, thảm cỏ...được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên + Có thiết kế, bố trí cây xanh, thảm cỏ, lối đi phù hợp, hài hòa, thân thiện môi trường.	2	1.5
29	C3	Khu sảnh chờ, phòng chờ + Ghế ngồi được bố trí đủ và sắp xếp gọn gàng, thuận tiện + Tranh ảnh trang trí đẹp treo ở vị trí phù hợp + Có giá/kệ để các tài liệu truyền thông về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch + Có ti vi hoặc màn hình điện tử để cung cấp thông	2	2

		tin cho NB, người nhà người bệnh (NNNB)		
		+ Có cây xanh, chậu hoa, cây cảnh		
30	C4	Khoa/phòng/buồng bệnh gọn gàng	2	1.5
		+ Đảm bảo các vật dụng cá nhân cho người bệnh như chăn, ga, gối luôn sạch sẽ, được thay đúng lịch và khi cần.		
		+ Tủ đầu giường sạch sẽ, không bị hoen rỉ, hỏng hóc		
		+ Sắp xếp đồ đạc/tư trang của người bệnh và người nhà người bệnh gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ.		
		+ Tranh ảnh trang trí đẹp treo ở vị trí phù hợp.		
		+ Có ti vi hoặc màn hình điện tử để NB, NNNB giải trí		
31	C5	Khu vực gửi xe	2	2
		+ Có khu vực riêng để xe cho cán bộ y tế và người nhà người bệnh		
		+ Có biển chỉ dẫn lối đi, có kẻ vạch và sắp xếp gọn gàng		
		+ Có mái che, có điện chiếu sáng vào ban đêm		
		+ Đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ		
32	C6	Trang phục NVYT, NB, NNNB	1	1
		+ Nhân viên y tế đeo biển tên và mặc đồng phục sạch đẹp		
		+ NB, NNNB được cung cấp và mặc quần áo/áo choàng/ váy choàng phù hợp, sạch sẽ không rách, không hoen ố		
		Tổng cộng	100	80.0